

LƯỢNG HÓA TÁC ĐỘNG CỦA XUẤT KHẨU ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VN

NGUYỄN QUANG HIỆP*

Bài viết này sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) để nghiên cứu tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế ở VN. Việc nghiên cứu dựa theo dữ liệu chuỗi thời gian hàng quý cho giai đoạn 1990 – 2011 của VN. Phân tích thực trạng cho thấy nền kinh tế VN đã liên tục tăng trưởng dương trong một thời gian dài. Cũng trong thời gian đó, xuất khẩu đã tăng trưởng khá nhanh góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Phân tích định lượng chỉ ra rằng có mối tương quan dương khá mạnh giữa tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu. Mối tương quan này không hoàn toàn khẳng định rằng một yếu tố này dẫn đến yếu tố khác, nhưng nó cho biết có mối quan hệ quan trọng giữa hai yếu tố. Qua đó, nghiên cứu đã khẳng định thêm cho cơ sở lý luận về mối tương quan giữa xuất khẩu với tăng trưởng kinh tế và liên hệ thực tiễn ở VN.

Từ khóa: Xuất khẩu, tăng trưởng kinh tế, tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng.

1. Giới thiệu

Từ sau Đại hội Đảng VI, VN bắt đầu thực hiện chính sách chuyển đổi và phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường. Sau hơn 20 năm đổi mới, kinh tế VN đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, trong đó xuất khẩu hàng hoá đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về giá trị và tỉ lệ, tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế trong nước. Tuy nhiên, ngày nay những điều kiện về phát triển kinh tế xã hội đã có nhiều thay đổi so với trước, nhất là những biến động của kinh tế khu vực và thế giới có ảnh hưởng sâu rộng đến kinh tế VN, đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách phải cân nhắc trong việc xác định chính sách tăng trưởng kinh tế nên hướng về xuất khẩu hay tập trung vào thị trường nội địa trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong thời gian tới. Do đó, việc đánh giá vai trò của xuất khẩu đối với tăng trưởng kinh tế ở VN là vấn đề hết sức cần thiết, nhằm đưa ra những giải pháp thúc đẩy xuất khẩu, cải thiện cán cân thương mại, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần cung cấp thông tin trong việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế xã hội trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Có nhiều nghiên cứu học thuật về vai trò của thương mại nói chung và xuất khẩu nói riêng đối với tăng trưởng kinh tế, bắt đầu bằng quan điểm của trường phái trọng thương, rồi đến các nhà kinh tế học cổ điển như Adam Smith và David Ricardo, gần đây nhất là một loạt các công trình lý thuyết của các nhà kinh tế học nổi danh khác như Romer, Grossman, Helpman, Baldwin và Forslid v.v.. Đó là những lý thuyết mở đường cho việc hiểu và phân tích tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng một cách có hệ thống và cơ sở khoa học.

Về phía cầu, có thể lập luận rằng tăng trưởng cầu có thể không được duy trì trong một nền kinh tế nhỏ có thu nhập thấp. Nhưng thị trường xuất khẩu dường như là vô tận và vì vậy mở cửa thương mại sẽ không hạn chế tăng trưởng tổng cầu. Do đó, xuất khẩu có thể là một chất xúc tác cho tăng trưởng thu nhập và là một thành phần của tổng cầu. Đây là tác động trực tiếp của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế.

Ngoài ảnh hưởng đến cầu, mở rộng xuất khẩu có thể gián tiếp ảnh hưởng đến tăng trưởng thông qua cung cấp ngoại tệ để nhập khẩu máy móc, thiết bị,

đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, nâng cao năng suất và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu lý thuyết gần đây cho thấy hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia có công nghệ cao có thể làm tăng năng suất và do đó dẫn đến tăng trưởng. Tri thức và công nghệ được thể hiện trong máy móc thiết bị và được chuyển giao thông qua thương mại quốc tế.

Theo lý thuyết thì có một vài hình thức xuất khẩu có thể làm tăng năng suất. Trước tiên, mở rộng xuất khẩu có thể khuyến khích chuyên môn hóa trong lĩnh vực mà một quốc gia có lợi thế so sánh, và dẫn tới tái phân bổ các nguồn lực từ các ngành phi thương mại không hiệu quả sang các ngành xuất khẩu hiệu quả hơn (Herzet et al, 2005). Thứ hai, tăng trưởng xuất khẩu có thể làm tăng năng suất bằng cách khai thác hiệu quả kinh tế nhờ quy mô (Helpman & Krugman, 1985). Thứ ba, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu có thể ảnh hưởng đến năng suất nhân tố tổng hợp thông qua ảnh hưởng lên phần còn lại của nền kinh tế (Feder, 1983). Trong ngắn hạn, kiến thức được tạo ra thông qua một quá trình học tập một cách có hệ thống, khởi đầu từ xuất khẩu và lan tỏa ra cả nền kinh tế trong nước (Chuang, 1998). Do đó, có thể nói rằng tăng trưởng xuất khẩu sẽ dẫn đến tăng năng suất trong cả nền kinh tế.

2.2. Phương pháp nghiên cứu và số liệu

Để đánh giá tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng GDP ở VN, trước hết tác giả kiểm định tính dừng của các chuỗi thời gian sử dụng trong mô hình thực nghiệm. Tiếp theo, phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) được sử dụng để ước lượng mô hình hồi quy từ chuỗi số liệu theo quý giai đoạn 1990-2011 thu thập từ Tổng cục Thống kê và Bộ Công thương. Sau đó, tác giả tiến hành các kiểm định sau ước lượng nhằm kiểm tra các khuyết tật của mô hình.

Mô hình bắt đầu với hàm sản xuất tân cổ điển giản đơn:

$$Y_t = A_t K_t^\alpha L_t^\beta \quad (1)$$

Trong đó, Y_t biểu thị tổng sản lượng của nền kinh tế trong thời kỳ t , và A_t , K_t , L_t tương ứng là năng suất nhân tố tổng hợp, tư bản và lao động trong thời kỳ t . Tổng sản lượng, tổng tư bản và xuất khẩu hàng hóa được tính theo giá cố định năm 1994, đơn vị tính là tỉ đồng. Biến lao động L_t được tính bằng tổng

số người làm việc trong nền kinh tế. Biến tư bản K_t được tính từ số liệu của đầu tư tích lũy với mức khấu hao 6%/năm.

Để nghiên cứu ảnh hưởng của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế thông qua tăng năng suất, giả định rằng năng suất nhân tố tổng hợp có thể được biểu thị là hàm của xuất khẩu X_t , biến trễ bậc 1 của sản lượng Y_{t-1} và các yếu tố ngoại sinh C_t :

$$A_t = f(X_t, Y_{t-1}, C_t) = X_t^\delta Y_{t-1}^\gamma C_t \quad (2)$$

Kết hợp phương trình (2) với phương trình (1), ta được:

$$Y_t = C_t K_t^\alpha L_t^\beta X_t^\delta Y_{t-1}^\gamma \quad (3)$$

Trong đó, α , β , δ , γ là những hệ số co giãn của sản lượng đối với K_t , L_t , X_t , Y_{t-1} .

Logarit cơ số e 2 vế của phương trình (3) cho ta một hàm tuyến tính như sau:

$$\ln Y_t = c + \alpha \ln K_t + \beta \ln L_t + \delta \ln X_t + \gamma \ln Y_{t-1} + e_t \quad (4)$$

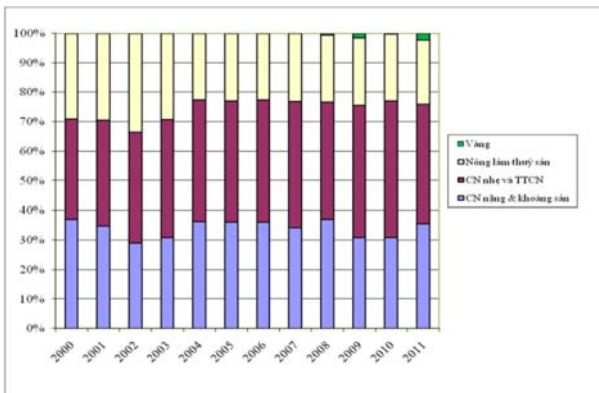
Trong đó, tất cả các hệ số của phương trình là các hệ số co giãn, c là tham số, và e_t là sai số phản ánh ảnh hưởng của tất cả các yếu tố khác. Theo đó, ước lượng của δ sẽ giúp đo lường ảnh hưởng của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế. Phương trình này được sử dụng để ước lượng tác động của xuất khẩu đối với tăng trưởng kinh tế thông qua tăng năng suất nhân tố tổng hợp.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng về xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế ở VN

Kể từ khi quyền kinh doanh xuất nhập khẩu được mở rộng (1998), dỡ bỏ các rào cản, tăng cường các biện pháp khuyến khích, đặc biệt là các biện pháp tài chính nên kim ngạch xuất khẩu năm 1999 đã tăng 23,3% so với năm 1998, cơ cấu hàng xuất khẩu và thị trường xuất khẩu tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực. Kim ngạch xuất khẩu tăng trung bình 20%/năm trong giai đoạn 2000-2011. Năm 2000, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa bình quân đầu người là 186,6 USD, năm 2007 tăng lên mức 569 USD (gấp 3,05 lần năm 2000) và năm 2011 là 1.096,8 USD (gấp 5,9 lần năm 2000). Kim ngạch xuất khẩu năm 2011 tăng mạnh chủ yếu do đơn giá của nhiều mặt hàng trên thị trường thế giới tăng. Nếu loại trừ yếu tố tăng giá thì kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2011 tăng 11,4% so với năm 2010.

Cơ cấu hàng xuất khẩu và cơ cấu thị trường xuất khẩu tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỉ trọng của nhóm hàng nông, lâm, thủy sản có giá trị gia tăng thấp, tăng dần tỉ trọng của nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp trong những năm 2007 - 2010. Năm 2011, cơ cấu kim ngạch hàng hóa xuất khẩu có một số thay đổi so với những năm trước: Tỉ trọng nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản chiếm 35,6%, tăng 4,6 điểm phần trăm so với năm 2010; nhóm hàng công nghiệp nhẹ chiếm 40,3%, giảm 6 điểm phần trăm so với năm 2010; tỉ trọng nhóm hàng nông, lâm, thủy sản giảm nhẹ từ 22,8% năm 2010 xuống 21,8% năm 2011; vàng và các sản phẩm vàng chiếm 2,3%, tăng so với 0,1% của năm 2010.



Hình 1. Cơ cấu hàng xuất khẩu của VN phân theo nhóm hàng giai đoạn 2000-2011

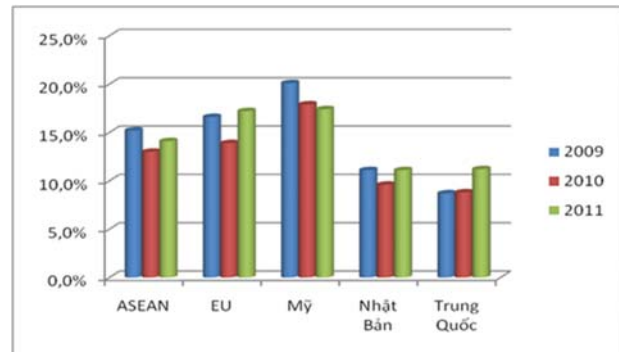
Nguồn: Tổng cục Thống kê VN

Về thị trường hàng hóa xuất khẩu (Hình 2), Mỹ vẫn là thị trường có kim ngạch cao nhất trong năm 2011 với 17,4% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu cả nước và tăng 17,5% so với năm 2010; thị trường EU chiếm 17,2% và tăng 45,4%; thị trường ASEAN chiếm 14,1% và tăng 31,5%; Nhật chiếm 11,1% và tăng 37,8%; Trung Quốc chiếm 11,2% và tăng 47,6%.

Công tác phát triển thị trường xuất khẩu đạt được nhiều thành tựu quan trọng, vừa mở ra những thị

trường mới, vừa thâm nhập và khai thác tốt hơn những thị trường đang có, chuyển dịch cơ cấu thị trường xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu liên tục được mở rộng và đa dạng hóa, bước đột phá lớn nhất là đã xuất khẩu thành công vào thị trường Mỹ và duy trì được thị phần trên thị trường lớn nhất thế giới này.

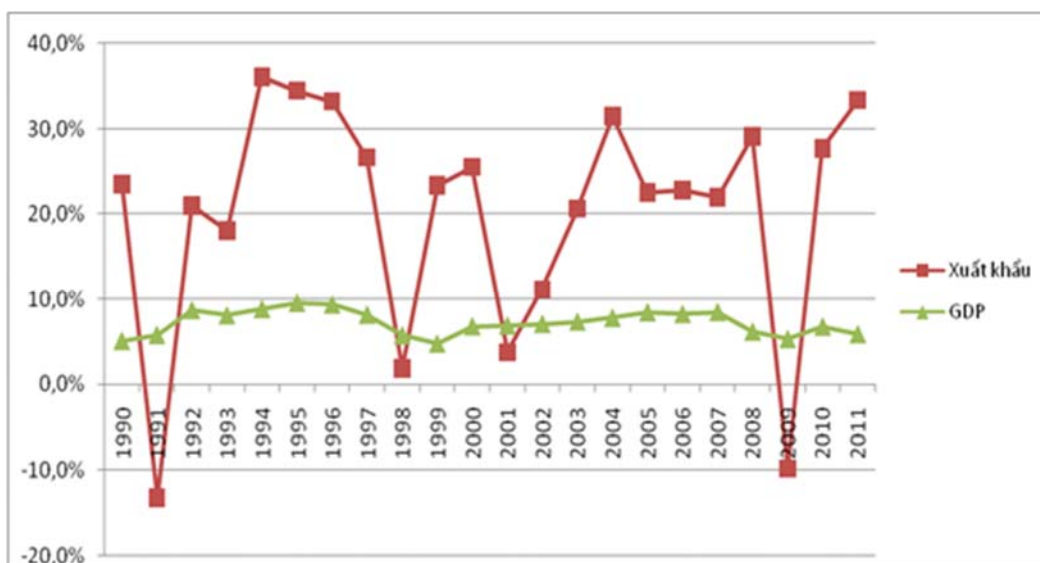
Các chủ thể tham gia xuất khẩu không ngừng được mở rộng cả về chiều rộng và chiều sâu, tất cả các ngành nghề, tất cả các thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân đều tham gia vào hoạt động xuất khẩu hàng hoá. Vì vậy, hoạt động xuất khẩu hàng hoá đã không ngừng đa dạng hoá và hoạt động ngày càng tiến tới hiệu quả, phong phú và đa dạng, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.



Hình 2. Các thị trường xuất khẩu chính của VN

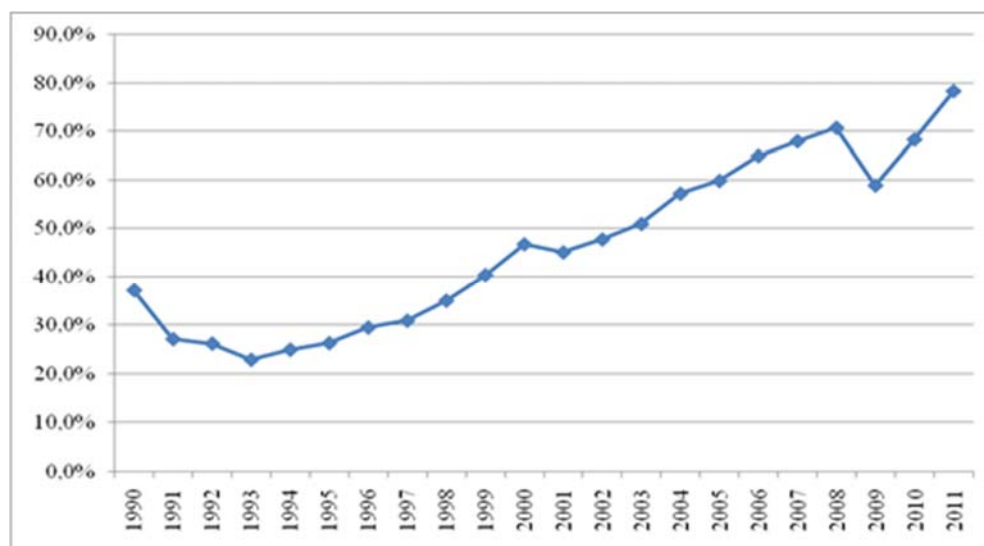
Nguồn: Tổng cục Thống kê VN

Phải khẳng định rằng thương mại quốc tế đã trở thành yếu tố năng động nhất của nền kinh tế VN trong hơn một thập kỉ qua, xuất khẩu của VN đã liên tục tăng trưởng với tỉ lệ trung bình 20-25%/năm. Cùng với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nhanh chóng, GDP của VN đã tăng trung bình khoảng 7,4%/năm trong thập niên 1990. Từ năm 2000 đến năm 2011, GDP của cả nước đã tăng trưởng trung bình hàng năm ở mức 7,1%.



Hình 3. Tốc độ tăng GDP và xuất khẩu hàng năm của VN

Nguồn: Tổng cục Thống kê VN



Hình 4. Tỷ lệ xuất khẩu so với GDP của VN

Nguồn: Tổng cục Thống kê VN

Tỷ lệ xuất khẩu trên GDP của cả nước tăng trưởng mạnh mẽ (Hình 4), từ 37,1% năm 1990 lên 68,1% năm 2008. Tuy nhiên, năm 2009 tỷ lệ này giảm xuống còn 58,9% do hoạt động thương mại nói chung và xuất khẩu nói riêng chịu ảnh hưởng rất lớn từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, làm cho nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của VN và giá cả quốc tế giảm sút mạnh. Đồng thời, các nước gia tăng các biện pháp bảo hộ mới, đặt ra nhiều hơn các rào cản

phi thuế quan tác động tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu của VN. Nhưng ngay sau đó đơn giá nhiều mặt hàng trên thị trường thế giới tăng cao đã giúp kết quả xuất khẩu của VN được hồi phục. Năm 2011, tỷ lệ xuất khẩu trên GDP là 78,3%, cao hơn 10% so với năm 2010.

Kể từ khi thực hiện các cải cách thương mại, cơ cấu kinh tế của VN đã dịch chuyển chủ yếu từ nông, lâm, ngư nghiệp sang các ngành công nghiệp-xây dựng, bao gồm cả gia công chế biến. Các ngành sản xuất chuyển từ hoạt động sử dụng lao động giản đơn sang các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn và sang các hoạt động phức tạp. Tốc độ tăng trưởng sản lượng của các sản phẩm thâm dụng lao động đã tăng lên đáng kể từ năm 2001. Cùng với xuất khẩu sản phẩm chế biến, ưu thế của may mặc và giày dép khẳng định lợi thế so sánh lớn của VN trong những sản phẩm truyền thống thâm dụng lao động. Mặc dù có sự tăng trưởng đáng kể trong giá trị gia tăng của sản xuất nông nghiệp, nhưng sự đóng góp vào GDP của cả nước đã giảm xuống giữa 1995 và 2011, do sự tăng trưởng mạnh của các ngành công nghiệp và dịch vụ. Và từ trước khi gia nhập WTO, dòng FDI đã đạt mức cao tại VN, nhưng hầu hết các dòng đầu tư đã được hướng tới các lĩnh vực phi nông nghiệp. Tuy vậy, nông nghiệp vẫn có vai trò quan trọng về kinh tế - xã hội, bảo đảm ổn định và phát triển bền vững của nền kinh tế.

3.2. Tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế ở VN

Để thấy rõ hơn tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế, nghiên cứu sử dụng phần mềm Eview 4 và bộ số liệu theo quý về các chỉ tiêu GDP (Y), X, K, L được thu thập và tổng hợp từ Tổng cục Thống kê để lượng hóa tác động của các nhân tố đến tăng trưởng kinh tế của VN, trong đó có tác động của xuất khẩu.

Do mô hình sử dụng số liệu chuỗi thời gian nên trước hết cần kiểm định tính ổn định của mô hình (Kiểm định tính dừng của chuỗi số liệu). Để kiểm định chuỗi dừng, nghiên cứu sử dụng phương pháp kiểm định nghiệm đơn vị (Unit root test) theo tiêu chuẩn ADF cho các biến và phần dư. Kết quả kiểm định như sau:

Bảng 1. Kết quả kiểm định Unit root – ADF cho các chuỗi số liệu trong hàm tổng sản lượng

Biến	Giá trị ADF (độ trễ)	Giá trị tới hạn (Mức ý nghĩa 1%)
lnY	ADF(1) = -29,504	-3,507
lnX	ADF(1) = -11,013	-3,507
lnK	ADF(0) = -11,888	-3,506
lnL	ADF(1) = -6,879	-3,507
RESID	ADF(1) = -15,198	-3,516

Nguồn: Tính toán của tác giả

Theo kết quả kiểm định thì tất cả các biến đều dừng, phần dư là nhiễu trắng, do vậy mô hình có ước lượng vững.

Kết quả ước lượng bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) trong Bảng 2 cho thấy các hệ số của hàm hồi quy đều có ý nghĩa thống kê, hệ số $R^2 = 0,9856$ biểu thị mối tương quan chặt chẽ giữa biến phụ thuộc với các biến độc lập, nghĩa là có 98,56% sự biến động của tăng trưởng kinh tế ở VN trong giai đoạn nghiên cứu được giải thích bởi tăng trưởng của xuất khẩu, tư bản, lao động và biến trễ. Giá trị $F_{qs} = 461,59$ và Prob (F-statistic) = 0 biểu thị mô hình hồi quy trên là phù hợp, tức là các biến độc lập có thể giải thích được sự biến động của biến phụ thuộc.

Mô hình đánh giá tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế có dạng như sau:

$$\ln Y = 6,061 + 0,287 \cdot \ln X + 0,1293 \cdot \ln K + 2,025 \cdot \ln L - 0,618 \cdot \ln Y(-1) \quad (5)$$

Theo mô hình, chúng ta thấy độ co giãn của sản lượng với lao động là lớn nhất bằng 2,783, nghĩa là khi lực lượng lao động tăng thêm 1% thì GDP thực tế sẽ tăng thêm 2,783% và ngược lại. Kết quả này biểu thị tác động của sự biến động lực lượng lao động có tác động rất lớn đối với tăng trưởng kinh tế ở VN do giá trị sản phẩm của nước ta có hàm lượng lao động cao. Điều này phản ánh đúng tình hình thực tế hiện nay khi trong cơ cấu kinh tế của nước ta các ngành sản xuất thâm dụng lao động và tài nguyên vẫn chiếm tỉ trọng lớn.

Độ co giãn của sản lượng với xuất khẩu là 0,224, nghĩa là khi xuất khẩu tăng 1% thì sản lượng sẽ tăng xấp xỉ 0,224% và ngược lại. Như vậy, kết quả ước

lượng và kiểm định cho thấy xuất khẩu có đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của VN. Có thể là xuất khẩu đã cho phép VN đạt hiệu quả kinh tế nhờ quy mô và có lợi thế hơn trong các ngành như nông nghiệp và các ngành sản xuất cần nhiều lao động như hàng may mặc, giày dép. Ngoài ra, xuất khẩu có khả năng tăng tính cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước và nâng cao năng lực sản xuất.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng mỗi tương quan dương nói trên không phải luôn đúng ở mọi quốc gia, mọi khu vực và mọi thời kì. Nói cách khác, không phải cứ đẩy mạnh tăng trưởng xuất khẩu thì sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn nếu một số điều

kiện tiên quyết không được thoả mãn (Nguồn lực, công nghệ, thể chế, chính sách, ổn định kinh tế vĩ mô...). Bởi vậy, ngoài việc cần cân trọng khi xem xét mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng GDP, điều quan trọng là các nhà hoạch định chính sách ở mỗi quốc gia cần phải nghiên cứu cụ thể về mối liên hệ này ở bản thân nước mình trước khi đề ra những chiến lược phát triển như có nên thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu hay không. Chính sách này đang được áp dụng ở VN hiện nay.

Bảng 2. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy

Dependent Variable: LOGY				
Method: Least Squares				
Date: 11/10/12 Time: 16:07				
Sample(adjusted): 1990:2 2011:4				
Included observations: 87 after adjusting endpoints				
Weighting series: 1/LOGK				
White Heteroskedasticity-Consistent Standard Errors & Covariance				
Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	4,115762	0,783135	5,255499	0,0000
LOGX	0,224446	0,040765	5,505884	0,0000
LOGK	0,087400	0,019398	4,505539	0,0000
LOGL	2,783060	0,406255	6,850528	0,0000
LOGY(-1)	-0,582036	0,066646	-8,733186	0,0000
Weighted Statistics				
R-squared	0,987440	Mean dependent var		11,12778
Adjusted R-squared	0,986828	S.D. dependent var		0,824592
S.E. of regression	0,094639	Akaike info criterion		-1,821749
Sum squared resid	0,734430	Schwarz criterion		-1,680031
Log likelihood	84,24610	F-statistic		531,5920
Durbin-Watson stat	1,708796	Prob(F-statistic)		0,000000
Unweighted Statistics				
R-squared	0,955977	Mean dependent var		11,17229
Adjusted R-squared	0,953830	S.D. dependent var		0,466446
S.E. of regression	0,100226	Sum squared resid		0,823716
Durbin-Watson stat	1,701560			

Nguồn: Tính toán của tác giả

3. Kết luận và gợi ý chính sách

3.1. Kết luận

Sau khi thông qua chính sách mở cửa, ngoại thương của VN đã có nhiều kinh nghiệm, khu vực xuất khẩu rộng lớn, và trong thời gian dài xuất khẩu đã tăng trưởng nhanh cùng với tăng trưởng GDP của cả nước. Kết quả phân tích cho thấy có mối quan hệ tích cực giữa xuất khẩu với tăng trưởng kinh tế. Có thể là xuất khẩu đã cho phép VN đạt hiệu quả kinh tế nhờ quy mô và có lợi thế hơn trong các ngành như nông nghiệp và các ngành sản xuất cần nhiều lao động như hàng may mặc, giày dép. Ngoài ra, xuất khẩu có khả năng tăng tính cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước và nâng cao năng lực sản xuất. Tuy nhiên, nếu xem xét ở từng thời điểm, không phải cứ đẩy mạnh tăng trưởng xuất khẩu thì sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn. Vì rất có thể ở VN những tác động của xuất khẩu đã được bù trừ bởi các tác động tiêu cực của suy thoái kinh tế thế giới và khu vực, cũng như những khuyết tật của nền kinh tế trong nước. Ngoài ra, những lợi ích dự kiến từ các tác động quyết định của việc mở rộng xuất khẩu, ví dụ như thúc đẩy tiến bộ công nghệ và kinh tế đối ngoại, rất có thể bị hạn chế ở VN.

3.2. Gợi ý chính sách

Với những kết quả mà nghiên cứu đã chỉ ra về mối quan hệ giữa xuất khẩu với tăng trưởng kinh tế, tác giả cho rằng trong các chính sách phát triển kinh tế thì hướng ưu tiên của VN trong thời gian tới vẫn

phải hướng về xuất khẩu, đặc biệt là đối với các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Các biện pháp chính sách cần tập trung theo hướng tạo nguồn cần thiết cho việc đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của hàng hoá xuất khẩu. Cụ thể:

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu mặt hàng xuất khẩu theo hướng tăng các mặt hàng có hàm lượng công nghệ cao, giảm các mặt hàng thâm dụng tài nguyên thiên nhiên và sức lao động, để tăng giá trị hàng hoá xuất khẩu và đảm bảo phát triển bền vững.
- Hỗ trợ nguồn lực, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ cho các ngành sản xuất hàng xuất khẩu thế mạnh của VN.
- Xây dựng đề án xuất khẩu cụ thể cho từng mặt hàng, từng địa phương.
- Giảm chi phí giao dịch, kinh doanh cho doanh nghiệp xuất khẩu.
- Tiến hành cải cách thủ tục hành chính nhanh, mạnh hơn nữa.
- Hoàn thiện hệ thống chính sách tài chính, tín dụng và đầu tư phục vụ xuất khẩu.
- Nâng cao hiệu quả của công tác xúc tiến xuất khẩu.
- Tập trung khai thác theo cả chiều sâu lẫn chiều rộng đối với các thị trường xuất khẩu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Công thương (2000), *Chiến lược xuất nhập khẩu 2001 – 2010*, Hà Nội.
- Chuang Y. C. (1998), "Learning by Doing, the Technology Gap, and Growth", *International Economic Review* 39.
- Emilio, Medina-Smith (2001), *Is the Export-led Growth Hypothesis Valid of Developing Countries? A Case Study of Costa Rica*, UNCTAD.
- Feder G. (1983) "On Exports and Economic Growth", *Journal of Development Economics* 12.
- Helpman E. and Krugman (1985), P., *Market Structure and Foreign Trade*, MIT Press, Cambridge.
- Herzer, Dierk et al (2005), *Export-Led Growth in Chile: Assessing the Role of Export Composition in Productivity Growth*, Verein für Socialpolitik, Research Committee for Development Economics.
- Hoàng Đức Thân (2006), *Đánh giá 20 năm đổi mới chính sách thương mại quốc tế ở VN*, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới.
- Ngọc Phan Minh (2003), "Exports and Long-Run Growth in Vietnam", 1975-2001, *ASEAN Economic Bulletin*.
- Nguyễn Văn Công (2008), *Giáo trình nguyên lý kinh tế học vĩ mô*, NXB Lao động.
- Phạm Đức Thành (2009), *Chiến lược xuất khẩu VN 2020*, Hà Nội.